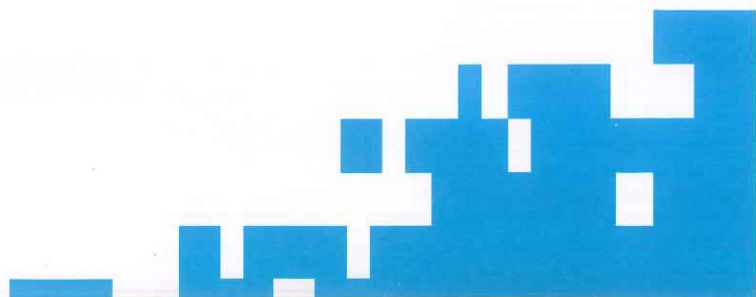


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

MỤC LỤC	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Việt Thắng	Phó chủ tịch không điều hành
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên không điều hành
Ông Nông Vương Hùng	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên không điều hành – bổ nhiệm ngày 19/04/2026
Bà Lâm Bội Ngọc	Thành viên độc lập – miễn nhiệm ngày 19/04/2026

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban – bổ nhiệm ngày 19/04/2026
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban – miễn nhiệm ngày 19/04/2026
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên – bổ nhiệm ngày 19/04/2026
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên – miễn nhiệm ngày 19/04/2026
Ông Đan Thành	Thành viên – bổ nhiệm ngày 19/04/2026
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên – miễn nhiệm ngày 19/04/2026

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 01/05/2026
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

Thành viên độc lập trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc Tài chính kiêm Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Số: 40/2026/SX-RSMHCM

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Xuân Hòa
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Võ Thùy Linh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3525-2026-026-1

(Theo Giấy ủy quyền số 04/2025-26/UQ-RSM
ngày 01/10/2025 của Tổng Giám đốc)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.278.345.534	341.498.546.475
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	46.092.089.823	231.836.633.256
1. Tiền	111		27.092.089.823	19.836.633.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	212.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	16.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.320.385.738	89.322.372.942
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	32.244.684.011	54.122.016.541
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	36.025.083.742	36.889.643.176
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	866.817.985	1.126.913.225
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(2.816.200.000)	(2.816.200.000)
IV. Hàng tồn kho	140		23.472.611.579	10.143.005.463
1. Hàng tồn kho	141	5.7	23.472.611.579	10.143.005.463
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		393.258.394	196.534.814
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		105.210.310	196.534.814
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.12	288.048.084	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		336.557.931.278	153.322.988.673
I. Tài sản cố định	220		21.574.837.278	11.206.840.529
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	8.531.598.792	8.556.558.271
Nguyên giá	222		90.971.646.920	89.737.435.472
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.440.048.128)	(81.180.877.201)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	13.043.238.486	2.650.282.258
Nguyên giá	228		14.770.843.644	3.139.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.727.605.158)	(489.082.242)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	11.631.479.144
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	11.631.479.144
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260		314.983.094.000	130.484.669.000
1. Đầu tư vào công ty con	261	5.2.2	314.983.094.000	130.484.669.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		488.836.276.812	494.821.535.148

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		193.529.141.888	201.249.274.095
I. Nợ ngắn hạn	310		193.529.141.888	201.249.274.095
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	25.043.083.176	31.006.089.687
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	154.420.770.634	129.801.223.181
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	395.817.602	2.271.046.514
4. Phải trả người lao động	315	5.13	4.004.660.000	3.296.045.188
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.14	2.861.000.000	6.937.810.629
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	309.803.481	313.775.800
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	23.152.807.301
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	5.16	5.895.410.156	4.395.410.156
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		598.596.839	75.065.639
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	295.307.134.924	293.572.261.053
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		288.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		288.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn	412		2.161.167.540	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.811.093.513	2.811.093.513
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.334.873.871	137.708.459.360
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	420a		-	15.840.445.522
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		2.334.873.871	121.868.013.838
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		488.836.276.812	494.821.535.148

Phê duyệt

Người lập



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	81.872.512.486	71.489.951.677
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		81.872.512.486	71.489.951.677
3. Giá vốn hàng bán	11	5.20	76.371.475.973	55.432.152.074
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.501.036.513	16.057.799.603
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.21	4.363.391.698	48.851.737.079
6. Chi phí tài chính	23	5.22	76.215.769	242.095.499
Trong đó, chi phí lãi vay	24		33.854.386	123.006.164
7. Chi phí bán hàng	25	5.23	1.500.000.000	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	8.803.729.081	7.381.574.387
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(515.516.639)	57.285.866.796
10. Thu nhập khác	31	5.25	4.942.948.303	6.834.090.487
11. Chi phí khác	32	5.26	1.489.670.538	480.443.888
12. Lợi nhuận khác	40		3.453.277.765	6.353.646.599
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.937.761.126	63.639.513.395
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	602.887.255	11.467.226.474
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.334.873.871	52.172.286.921

Phê duyệt



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.937.761.126	63.639.513.395
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.27	2.787.110.507	1.745.489.899
Các khoản dự phòng	03	5.23	1.500.000.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(7.688.544.984)	(49.218.740.446)
Chi phí đi vay	06	5.22	33.854.386	123.006.164
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(429.818.965)	16.289.269.012
(Giảm), tăng các khoản phải thu	09		23.968.800.230	(33.996.750.315)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(13.329.606.116)	(8.584.694.701)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.454.908.606	29.897.150.255
(Giảm), tăng chi phí chờ phân bổ	12		91.324.504	(205.095.743)
Chi phí đi vay đã trả	14		(33.854.386)	(123.006.164)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.478.804.726)	(10.409.948.635)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(76.468.800)	(62.469.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.166.480.347	(7.195.545.687)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.295.058.689)	(10.917.761.160)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.690.000.000	367.003.367
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(119.000.000.000)	(41.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		112.000.000.000	56.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	5.31	(184.498.425.000)	(200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	90.908.426.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.345.267.210	8.817.853.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(181.758.216.479)	103.975.521.854

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.30	(23.152.807.301)	(37.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(14.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.152.807.301)	(51.400.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(185.744.543.433)	45.379.976.167
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	231.836.633.256	119.917.252.562
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		46.092.089.823	165.297.228.729
(70 = 50+60+61)				

Phê duyệt



Người lập

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốcNguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 19 tháng 07 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ Công ty.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với Mã chứng khoán là LHC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 288.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:					
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.	Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	65,81%	65,81%	65,81%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	72,08%	72,08%	72,08%
Công ty con gián tiếp:					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	100,00%	100,00%	65,81%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Số 14, Thôn Hiệp Thành 1, xã Gia Hiệp, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	94,39%	94,39%	62,12%
Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	100,00%	100,00%	65,81%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Số 368, ấp Phú Hợp B, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	100,00%	100,00%	65,81%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	100,00%	100,00%	65,81%

1.6. Số lượng lao động

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 155 (01 tháng 01 năm 2026 là: 55).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Kể từ năm tài chính 2026, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính (TT99), thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (TT200) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT99 và các quy định hiện hành có liên quan.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này không bao gồm đầy đủ các thuyết minh theo yêu cầu đối với báo cáo tài chính năm và vì vậy cần được đọc kết hợp với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 gần nhất của Công ty.

Trong phạm vi báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty tập trung trình bày các giao dịch và biến động trọng yếu phát sinh trong kỳ.

3.4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng trong kỳ không có thay đổi trọng yếu so với kỳ trước.

4.1. Các ước tính kế toán và xét đoán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi Ban Giám đốc phải đưa ra các xét đoán, ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản mục tiềm tàng tại ngày lập báo cáo, cũng như số liệu doanh thu và chi phí trong kỳ.

Các ước tính và giả định này được đánh giá thường xuyên và dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác được xem là hợp lý. Tuy nhiên, kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này.

Các lĩnh vực có sử dụng ước tính kế toán trọng yếu bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng bảo hành công trình;
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền mặt	116.570.705	262.447.293
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.975.519.118	19.574.185.963
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	212.000.000.000
Cộng	46.092.089.823	231.836.633.256

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Lâm Đồng	11.328.925.510	19.505.351.448
Ngân hàng TMCP Quân đội – MB Bến Thành	15.570.990.887	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	64.225.028	56.973.333
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng	11.377.693	11.861.182
Cộng	26.975.519.118	19.574.185.963

Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Lâm Đồng	1 tháng	4,75%	19.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Lâm Đồng (*)	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-	-
Cho vay là bên liên quan	7.000.000.000	7.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10 – Xem thêm Mục 6.4 (**)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-

(*) Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng BIDV kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 8,00%/năm tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

(**) Thông tin chi tiết các khoản phải thu về cho vay lớn hơn 10% như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10 ("L40.10"):

Thời hạn cho vay: 12 tháng
Lãi suất: 5,90%
Tài sản đảm bảo: Không có

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty có một số khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Mục 5.2.1 phát sinh lãi theo hợp đồng. Tuy nhiên, do khả năng thu hồi gốc và lãi của các khoản đầu tư này không chắc chắn, căn cứ theo nguyên tắc thận trọng, Công ty chưa ghi nhận doanh thu lãi tương ứng trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.2.2. Đầu tư góp vốn vào Công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (*)	284.419.394.000	967.439.369.400	-	110.775.469.000	484.154.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10 (**)	30.563.700.000	(**)	-	19.709.200.000	(**)	-
Cộng	314.983.094.000	967.439.369.400	-	130.484.669.000	484.154.000.000	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

(*) Đối với công ty niêm yết: theo giá thị trường tại ngày báo cáo;

(**) Đối với công ty không niêm yết: Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý do không có cơ sở định giá đáng tin cậy.

Do đó, giá trị ghi sổ có thể khác với giá trị hợp lý.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 6.4	5.498.639.341	-	33.789.599.541	-
Phải thu từ khách hàng chiếm trên 10% tổng số bao gồm:				
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	11.764.453.971	-	-	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Đơn Dương	6.605.089.523	-	4.646.920.000	-
Các khoản còn lại	8.376.501.176	(2.816.200.000)	15.685.497.000	(2.816.200.000)
Cộng	32.244.684.011	(2.816.200.000)	54.122.016.541	(2.816.200.000)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 6.4	10.998.553.000	13.669.007.777
Trả trước cho người bán chiếm trên 10% tổng số, bao gồm:		
Công ty TNHH Trọng Tín (a)	9.987.868.270	9.022.129.270
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 126 (b)	6.301.764.421	4.752.174.421
Các khoản còn lại	8.736.898.051	9.446.331.708
Cộng	36.025.083.742	36.889.643.176

(a) Trả trước ngắn hạn cho Công ty TNHH Trọng Tín liên quan đến Công trình Ta Hoét, Định An theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021, công trình này hiện chưa thể khởi công do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền. Và công trình Hồ chứa nước Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 222/HD-TCXD_HCN Đông Thanh ngày 27 tháng 12 năm 2022, công trình này đang tạm dừng do vấn đề địa chất khu vực phức tạp, vượt quá khả năng xử lý của cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh.

(b) Trả trước ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 126 liên quan đến Gói 4, Suối Cái, Bình Dương theo Hợp đồng số 01/HĐTP/LHC-126/G4 ngày 07 tháng 09 năm 2025.

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu người lao động	866.817.985	-	969.818.195	-
Phải thu khác	-	-	157.095.030	-
Cộng	866.817.985	-	1.126.913.225	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.816.200.000	-	2.816.200.000	-

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên các bằng chứng hiện có tại ngày báo cáo gồm:

- Tuổi nợ của từng khoản phải thu;
- Khả năng thu hồi thực tế;
- Thông tin tài chính của khách hàng.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	2.816.200.000	-	Trên 5 năm	2.816.200.000	-	Trên 5 năm

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.770.722.095	-	202.704.411	-
Công cụ, dụng cụ	14.948.687	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	18.539.621.826	-	8.792.982.081	-
Hàng hóa	1.147.318.971	-	1.147.318.971	-
Cộng	23.472.611.579	-	10.143.005.463	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công trình Đập Đông Thanh, Lâm Hà (**)	5.952.945.829	6.029.002.059
Công trình Gói XL - 4 Rạch Dừa	6.110.706.042	-
Công trình Gói 4 Nạo vét, gia cố Suối Cái, TP. Hồ Chí Minh	2.025.000.000	-
Công trình Đập Tà Hoét, Định An (**)	1.421.318.706	1.421.318.706
Công trình Gói 13 Tây Ninh - Giai đoạn 2	1.255.734.474	-
Các công trình còn lại	1.773.916.775	1.342.661.316
Cộng	18.539.621.826	8.792.982.081

(**) Các công trình này đang tạm dừng thi công với lý do cụ thể như sau:

- Hồ chứa nước Đông Thanh: Tạm dừng do vấn đề địa chất khu vực phức tạp, vượt quá khả năng xử lý của cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh.
- Hồ chứa nước Tà Hoét: Tạm dừng do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2026	78.601.886.650	10.768.594.277	366.954.545	89.737.435.472
Mua trong kỳ	2.546.129.630	5.579.081.818	-	8.125.211.448
Thanh lý, nhượng bán	(2.266.000.000)	(4.625.000.000)	-	(6.891.000.000)
Phân loại lại	(24.379.008.911)	24.519.008.911	(140.000.000)	-
Tại ngày 30/06/2026	54.503.007.369	36.241.685.006	226.954.545	90.971.646.920
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2026	73.791.062.787	7.249.747.637	140.066.777	81.180.877.201
Khấu hao trong kỳ	695.874.512	814.553.985	38.159.094	1.548.587.591
Thanh lý, nhượng bán	(110.666.664)	(178.750.000)	-	(289.416.664)
Phân loại lại	(24.483.180.959)	24.519.008.911	(35.827.952)	-
Tại ngày 30/06/2026	49.893.089.676	32.404.560.533	142.397.919	82.440.048.128
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2026	4.810.823.863	3.518.846.640	226.887.768	8.556.558.271
Tại ngày 30/06/2026	4.609.917.693	3.837.124.473	84.556.626	8.531.598.792

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 77.396.384.561 VND.

Không có tài sản nào chiếm trên 10% tổng giá trị TSCĐ hữu hình.

Không có tài sản thanh lý nào chiếm trên 10% tổng giá trị TSCĐ hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	3.015.000.000	124.364.500	3.139.364.500
Đầu tư từ XDCB	-	11.631.479.144	11.631.479.144
Tại ngày 30/06/2026	3.015.000.000	11.755.843.644	14.770.843.644
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	364.717.742	124.364.500	489.082.242
Khấu hao trong kỳ	75.375.000	1.163.147.916	1.238.522.916
Tại ngày 30/06/2026	440.092.742	1.287.512.416	1.727.605.158
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	2.650.282.258	-	2.650.282.258
Tại ngày 30/06/2026	2.574.907.258	10.468.331.228	13.043.238.486

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.364.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi tiết danh mục các TSCĐ vô hình đang hiện hữu trong kỳ như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND	Thời gian sử dụng còn lại
Quyền sử dụng đất:				
Thửa đất Số 102, tờ bản đồ Số 37, xã Cát Tiên 3, tỉnh Lâm Đồng	3.015.000.000	440.092.742	2.574.907.258	Đến ngày 15/10/2043
Phần mềm vi tính:				
Phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	11.631.479.144	1.163.147.916	10.468.331.228	54 tháng
Các tài sản còn lại	124.364.500	124.364.500	-	-
Tại ngày 30/06/2026	14.770.843.644	1.727.605.158	13.043.238.486	

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 6.4	3.819.842.690	3.819.842.690	1.459.837.304	1.459.837.304
Phải trả cho người bán chiếm trên 10% tổng số bao gồm:				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sơn Thành An	11.764.453.971	11.764.453.971	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Vinci Vina	2.894.201.194	2.894.201.194	3.648.779.545	3.648.779.545
Các khoản còn lại	6.564.585.321	6.564.585.321	25.897.472.838	25.897.472.838
Cộng	25.043.083.176	25.043.083.176	31.006.089.687	31.006.089.687

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Người mua trả tiền trước từ bên liên quan – Xem thêm Mục 6.4	18.782.869.105	-
Người mua trả tiền trước chiếm trên 10% tổng số bao gồm:		
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Số 1 (a)	92.354.272.942	93.336.271.020
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Lâm Hà (b)	21.600.000.000	21.600.000.000
Các khoản còn lại	21.683.628.587	14.864.952.161
Cộng	154.420.770.634	129.801.223.181

(a) Người mua trả tiền trước là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Số 1 liên quan đến Công trình Ta Hoét, Định An theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021, công trình này hiện chưa thể khởi công do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền. Và công trình Hệ thống kênh mương hồ Đạ Lây, Đạ Sị, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng số 75/2025/HĐXD ngày 15 tháng 12 năm 2025.

(b) Người mua trả tiền trước là Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Lâm Hà liên quan đến công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022. Công trình này đang tạm ngừng do vấn đề địa chất khu vực vượt tầm xử lý của cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	288.048.084	-	780.000.000	(285.034.238)	-	776.986.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	304.103.526	1.478.804.726	602.887.255	-	1.180.020.997
Thuế thu nhập cá nhân	-	91.714.076	1.003.114.800	780.789.513	-	314.039.363
Thuế tài nguyên	-	-	1.179.875.542	1.179.875.542	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	702.951.568	702.951.568	-	-
Cộng	288.048.084	395.817.602	5.144.746.636	2.981.469.640	-	2.271.046.514

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.13. Phải trả người lao động**

Là chi phí lương tháng 06 và tiền thưởng năm 2026 tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Trích trước giá vốn Công trình Hồ chứa nước Ka Zam	1.800.000.000	4.444.152.000
Trích trước giá vốn Công trình Gói 4 Đăk Lông Thượng	1.061.000.000	-
Trích trước giá vốn các công trình khác	-	2.493.658.629
Cộng	2.861.000.000	6.937.810.629

5.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Kinh phí công đoàn	294.233.027	257.060.059
Các khoản phải trả khác	15.570.454	56.715.741
Cộng	309.803.481	313.775.800

5.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Dự phòng bảo hành Công trình Hồ chứa nước Kazam – Đơn Dương	1.519.698.066	504.823.180
Dự phòng bảo hành Công trình Hồ chứa nước Đồng Thanh – Lâm Hà	1.225.017.218	1.177.694.796
Dự phòng bảo hành các công trình khác	3.150.694.872	2.712.892.180
Cộng	5.895.410.156	4.395.410.156

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	144.000.000.000	9.052.708.180	2.811.093.513	30.240.445.522	186.104.247.215
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	52.172.286.921	52.172.286.921
Chia cổ tức từ lợi nhuận bằng tiền đợt 2 năm 2024 theo Thông báo số 28/2025 ngày 18/02/2025 của HĐQT	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	144.000.000.000	9.052.708.180	2.811.093.513	68.012.732.443	223.876.534.136
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	69.695.726.917	69.695.726.917
Tại ngày 01/01/2026	144.000.000.000	9.052.708.180	2.811.093.513	137.708.459.360	293.572.261.053
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	2.334.873.871	2.334.873.871
Phát hành cổ phiếu thưởng theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐQT/LHC ngày 09/05/2026 của HĐQT	144.000.000.000	(6.891.540.640)	-	(137.108.459.360)	-
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐH26-LHC ngày 19/04/2026 của Đại hội Cổ đông 2026	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Tại ngày 30/06/2026	288.000.000.000	2.161.167.540	2.811.093.513	2.334.873.871	295.307.134.924

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Vốn góp của các cổ đông	288.000.000.000	144.000.000.000

5.17.3. Vốn góp của chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2026	144.000.000.000	144.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ thông qua phát hành cổ phiếu thưởng	144.000.000.000	-
Vốn góp tại ngày 30/06/2026	288.000.000.000	144.000.000.000

5.17.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2026 và 30/06/2026	2.811.093.513

5.17.5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

<u>Số thứ tự</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Thông tin</u>
1.	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng
2.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mệnh giá	10.000 VNĐ/cổ phần
4.	Số lượng cổ phiếu phát hành	14.400.000 cổ phiếu
5.	Giá trị phát hành	144.000.000.000 VNĐ
6.	Hình thức phát hành	Cổ phiếu thưởng được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần, theo tỷ lệ 01:01, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu
7.	Ngày bắt đầu phát hành	09/06/2026
8.	Ngày hoàn thành đợt phát hành	26/06/2026
9.	Tổng số cổ phiếu đã bán	14.400.000 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.18. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý:				
Ban Quản lý Dự án				
Đầu tư và xây dựng				
CTCC huyện ĐạTẻh	-	2.033.760.000	-	2.033.760.000
Ban Quản lý Dự án hồ				
Tuyền Lâm	-	89.104.790	-	89.104.790
Công ty Cổ phần 508	-	57.338.000	-	57.338.000
Cộng	-	2.180.202.790	-	2.180.202.790

5.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	78.883.265.245	71.489.951.677
Doanh thu cho thuê máy thi công tại công trình	261.854.764	-
Doanh thu vận hành số hóa	2.727.392.477	-
Cộng	81.872.512.486	71.489.951.677
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 6.4	5.494.935.466	-

5.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng (*)	73.644.083.496	55.432.152.074
Giá vốn vận hành số hóa	2.727.392.477	-
Cộng	76.371.475.973	55.432.152.074

(*) Giá vốn hợp đồng xây dựng kỳ này tăng mạnh khoảng 33% so với kỳ trước là do chi phí nguyên vật liệu và chi phí phát sinh tại công trình tăng. Đồng thời, chi phí lương nhân công tại công trình cũng tăng để tăng cường thi công cho kịp tiến độ bàn giao cho chủ đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền cho vay từ bên liên quan – Xem thêm Mục 6.4	1.475.422.000	845.558.905
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.869.845.210	1.438.893.674
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.124.488	-
Lãi do bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	40.077.198.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền từ bên liên quan	-	6.490.086.000
Cộng	4.363.391.698	48.851.737.079

Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này giảm hơn 91% so với kỳ trước chủ yếu là do kỳ trước phát sinh khoản bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con và cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền từ công ty con.

5.22. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	33.854.386	123.006.164
Chi phí tài chính khác	42.361.383	119.089.335
Cộng	76.215.769	242.095.499

5.23. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dự phòng bảo hành công trình	1.500.000.000	-

5.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.042.732.235	5.067.667.617
Chi phí đồ dùng văn phòng	111.490.211	36.430.102
Chi phí khấu hao TSCĐ	711.844.963	430.796.543
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.926.125	377.429.838
Chi phí bằng tiền khác	1.699.735.547	1.466.250.287
Cộng	8.803.729.081	7.381.574.387

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.25. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho bên liên quan	3.343.277.774	-
Thanh lý công cụ dụng cụ cho bên liên quan	210.000.000	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	367.003.367
Bán vật tư tại công trình	1.389.670.522	467.043.074
Tiền thưởng từ chuyển nhượng vốn	-	6.000.000.000
Thu nhập khác	7	44.046
Cộng	4.942.948.303	6.834.090.487

5.26. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn vật tư tại công trình	1.389.670.522	467.043.074
Giá vốn bán công cụ dụng cụ cho bên liên quan	100.000.000	-
Các khoản bị phạt	-	3.833.397
Các khoản khác	16	9.567.417
Cộng	1.489.670.538	480.443.888

5.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.762.049.081	52.276.700.489
Chi phí nhân công	17.322.548.677	10.859.765.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.787.110.507	1.745.489.899
Chi phí dự phòng bảo hành công trình	1.500.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.321.469.055	4.280.716.028
Chi phí khác bằng tiền	2.118.338.001	2.235.749.683
Cộng	97.811.515.321	71.398.421.162

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	2.937.761.126	63.639.513.395
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	76.675.150	181.929.977
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(120.000.000)
Trừ: Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	-	(6.490.086.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.014.436.276	57.211.357.372
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	602.887.255	11.442.271.474
Trừ: Chi phí Thuế TNDN do điều chỉnh bổ sung năm trước	-	24.955.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	602.887.255	11.467.226.474

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN.

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

5.29. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	800.000.000	-
Bù trừ khoản cho vay với nợ phải trả người bán	1.000.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định nhưng chưa thu tiền	1.254.861.110	-
Phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần	144.000.000.000	-

5.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(23.152.807.301)	(37.000.000.000)

5.31. Mua vốn góp công ty con trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phần giá trị mua công ty con được thanh toán bằng tiền	(184.498.425.000)	(200.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

6. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ, do đó kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ phản ánh tương đối đầy đủ xu hướng hoạt động của cả năm tài chính.

6.2. Tính chất và giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần hoặc các luồng tiền được coi là yếu tố không bình thường do tính chất, quy mô hoặc tác động của chúng

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý một số tài sản cố định và công cụ dụng cụ không còn nhu cầu sử dụng, ghi nhận lãi từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ với giá trị là 3.453.277.774 VND. Giao dịch này mang tính chất không thường xuyên và không lặp lại trong hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty.

6.3. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 41.250.796.354 VND.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do trong kỳ Công ty đã sử dụng nguồn tiền hiện có để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con nhằm củng cố vị thế kiểm soát và nâng cao hiệu quả đầu tư dài hạn. Theo đó, Công ty đã đầu tư thêm 173.643.925.000 VND vào Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng ("LBM"), nâng tỷ lệ sở hữu từ 51,00% lên 65,81%, và đầu tư thêm 10.854.500.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10, nâng tỷ lệ sở hữu lên 72,08%.

Do đó, việc nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán chủ yếu là kết quả của việc chuyển đổi một phần đáng kể tài sản ngắn hạn thành các khoản đầu tư dài hạn, không phát sinh từ các khoản lỗ hoạt động, suy giảm khả năng sinh lời hoặc khó khăn tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian ít nhất mười hai tháng kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2026 trên cơ sở kế hoạch kinh doanh, dự báo dòng tiền và các nguồn lực tài chính hiện có. Theo các nghị quyết và kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được phê duyệt của LBM, Công ty dự kiến nhận khoảng 62 tỷ VND cổ tức và lợi nhuận được chia trong giai đoạn mười hai tháng tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là nguồn tiền có khả năng thu hồi cao và đủ để bù đắp phần thiếu hụt vốn lưu động tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như hỗ trợ Công ty thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, dự kiến tạo ra dòng tiền dương từ hoạt động kinh doanh trong kỳ tới và vẫn duy trì khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng hiện có để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động khi cần thiết.

Trên cơ sở kết quả đánh giá nêu trên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đến hạn và duy trì hoạt động kinh doanh bình thường trong ít nhất mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.4. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	Công ty con trực tiếp
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
7. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
8. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt
9. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10	Thành viên Hội đồng Thành viên là nhân sự chủ chốt của Tập đoàn
10. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Intercons	Thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc là nhân sự chủ chốt của Tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Người đại diện pháp luật là nhân sự chủ chốt của Tập đoàn

Các giao dịch với bên liên quan được thực hiện theo các điều khoản thông thường của thị trường, trừ khi có trình bày khác.

Ban Giám đốc đánh giá rằng các giao dịch này không làm phát sinh rủi ro trọng yếu cho Công ty.

Các khoản phải thu, cho vay/(phải trả) với bên liên quan:

- Không có tài sản đảm bảo;
- Lãi suất trả chậm: không có;
- Thời hạn thanh toán: trong vòng 30-45 ngày;
- Bản chất giao dịch: mua sắm tập trung hàng hóa, xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ, cho vay.
- Lãi suất cho vay: 5,90%/năm.

Ban Giám đốc đánh giá các giao dịch này phù hợp với lợi ích của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	4.809.320.101	21.419.005.011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	33.945.000	-
Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	466.263.000	6.714.363.241
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	189.111.240	4.886.581.115
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	-	769.650.174
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	5.498.639.341	33.789.599.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn – Xem thêm Mục 5.2.1:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	7.000.000.000	10.000.000.000
	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Intercons (a)	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	-	3.670.454.777
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (b)	9.998.553.000	9.998.553.000
Cộng – Xem thêm Mục 5.4	10.998.553.000	13.669.007.777

(a) Trả trước ngắn hạn cho Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Intercons liên quan đến công trình Gói thầu số 13 dự án tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 theo Hợp đồng số 01/2026/TTGK-LHC-IC/G13TN ngày 16 tháng 03 năm 2026.

(b) Trả trước ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 liên quan đến công trình Ta Hoét theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021, công trình này hiện chưa thể khởi công do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền.

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả thương mại ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	(445.200.000)	(1.456.327.304)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	(2.233.223.190)	-
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	(1.141.419.500)	(3.510.000)
Cộng – Xem thêm Mục 5.10	(3.819.842.690)	(1.459.837.304)

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Người mua trả tiền trước ngắn hạn – Xem thêm Mục 5.11:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (*)	(18.782.869.105)	-
---	------------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(*) Người mua trả tiền trước là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 liên quan đến Công trình Hệ thống kênh mương hồ Đa Lây, Đa Sĩ, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng số 01/HĐGK/ICCO40-LHC ngày 08 tháng 05 năm 2026. Và Công trình xây dựng, cung cấp, lắp đặt thiết bị cống Cái Trưng (Mỹ Hội) và kè bảo vệ mái kênh dẫn phía sông công trình cống Âu Rạch Mọp ngày 23 tháng 04 năm 2026.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	2.906.829.790	-
Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	602.016.804	-
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	301.008.281	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	2.125.257.248	-
Cộng (*)	5.935.112.123	-

(*) Bao gồm:

Doanh thu công trình và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.19	5.494.935.466	-
Thuế từ doanh thu công trình và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	440.176.657	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10	9.634.800.000	
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	1.380.347.221	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	-	2.650.000.000
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	-	200.000.000
Cộng (*)	11.015.147.221	9.850.000.000

(*) Bao gồm:

Thanh lý TSCĐ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế	10.154.861.110	9.117.003.366
Thuế từ thanh lý TSCĐ cho các bên liên quan	860.286.111	732.996.634

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua vật tư, nhiên liệu và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	1.972.340.240	2.884.427.000
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	2.164.157.000	1.560.681.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	2.300.146.267	-
Cộng (*)	6.436.643.507	4.445.108.500

(*) Bao gồm:

Mua vật tư, nhiên liệu và dịch vụ từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế	5.928.217.275	4.102.021.052
Thuế từ mua vật tư, nhiên liệu và dịch vụ từ các bên liên quan	508.426.232	343.087.448

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua sắm tài sản cố định:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	7.555.280.000	-

(*) Bao gồm:

Mua sắm TSCĐ từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế	6.956.000.000	-
Thuế từ mua TSCĐ từ các bên liên quan	599.280.000	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua sắm tập trung – Bán vật tư, nguyên vật liệu:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	79.113.374.982	-
Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	20.198.695.165	-
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	24.598.569.643	-
Cộng (*)	123.910.639.790	

(*) Bao gồm:

Mua sắm tập trung cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế	114.700.039.399	-
Thuế từ mua sắm tập trung cho các bên liên quan	9.210.600.391	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi cho vay:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	1.202.417.000	845.558.905
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	273.005.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 5.21	1.475.422.000	845.558.905
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cho vay:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	110.000.000.000	41.000.000.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bù trừ công nợ:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	1.000.000.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua cổ phiếu:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	173.643.925.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua lại phần vốn góp Công ty con:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	10.854.500.000	(200.000.000)
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi tạm ứng và nhận hoàn ứng:		
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT	-	5.500.000.000
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	8.500.000.000	3.200.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Giám đốc Tài chính kiêm Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	4.000.000.000	2.800.000.000
Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc	2.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kế toán trưởng	-	1.100.000.000
Cộng	14.500.000.000	12.600.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Phó chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Nông Vương Hùng	Thành viên	30.000.000	10.000.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên – bổ nhiệm ngày 19/04/2026	10.000.000	-
Bà Lâm Bội Ngọc	Thành viên – miễn nhiệm ngày 19/04/2026	20.000.000	10.000.000
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên đã miễn nhiệm	-	20.000.000
Cộng		510.000.000	490.000.000

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.005.100.000	981.100.000
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc	618.154.250	488.154.250
Ông Phạm Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	61.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	565.177.500	480.436.750
Cộng		2.249.431.750	1.949.691.000

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc Tài chính kiêm Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	162.674.500	340.910.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban – bổ nhiệm ngày 19/04/2026	20.000.000	30.000.000
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban – miễn nhiệm ngày 19/04/2026	8.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên – bổ nhiệm ngày 19/04/2026	8.000.000	12.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên – miễn nhiệm ngày 19/04/2026	10.000.000	-
Ông Đan Thành	Thành viên – bổ nhiệm ngày 19/04/2026	4.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên – miễn nhiệm ngày 19/04/2026	4.000.000	-
Cộng		54.000.000	54.000.000

6.5. Số liệu so sánh***Phân loại lại***

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân loại lại số liệu so sánh của kỳ trước nhằm tuân thủ theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại như sau:

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh tăng/(giảm)	Sau điều chỉnh
<i>Báo cáo tình hình tài chính:</i>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-

6.6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, không có sự kiện trọng yếu cần điều chỉnh.

Phê duyệt

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lam Dong, ngày 25 tháng 08 năm 2026